Người ký: Thành ủy Hà Nội
Email: Van thu VPTU /TUHaNoi/DCS/VN@TUHANOI
Cơ quan: Thành ủy Hà Nội
Thời gian ký: 20.03.2021 15:09:26 +07:00

THÀNH ỦY HÀ NỘI * Số 04 - CTr/TU	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2021*

CHƯƠNG TRÌNH

Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về xây dựng nông thôn mới

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Hà Nội xác định nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ hết sức quan trọng, mặc dù tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và đặc biệt là dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, nhưng khu vực nông thôn vẫn là nơi cung cấp sản phẩm nông nghiệp cho Thủ đô, là bệ đỡ cho phát triển dịch vụ, công nghiệp và đảm bảo an toàn trật tự, an ninh nông thôn. Trong 10 năm xây dựng nông thôn mới, Hà Nội đã đạt kết quả nổi bật, đến hết năm 2020 Thành phố có 07 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, có 06 huyện đã trình Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020; có 368/382 xã, chiếm 96,3% đạt chuẩn nông thôn mới, 29 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Tổng nguồn vốn đã huy động đầu tư cho khu vực nông thôn giai đoạn 2016-2020 là 80.595 tỷ đồng, trong đó đầu tư trực tiếp cho Chương trình là 62.459 tỷ đồng (vốn ngân sách Nhà nước là 56.470 tỷ đồng, vốn ngoài ngân sách là 5.989 tỷ đồng).

2. Về cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn

2.1. Về cơ cấu lại ngành nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp Thủ đô tiếp tục phát triển, tăng trưởng ngành nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 đạt 2,53%. Cơ cấu giá trị sản xuất năm 2020: trồng trọt, lâm nghiệp 38,76%; chăn nuôi, thủy sản 58,11%; dịch vụ nông nghiệp 3,13%. Thành phố đã thực hiện hoàn thành công tác dồn điền đổi thửa, cơ bản cấp xong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân (đạt 99,21%), có 141 chuỗi liên kết an toàn thực phẩm, 164 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; giá trị sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao chiếm 32% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đạt kết quả nổi bật; đến hết năm 2020, Thành phố có 1.054 sản phẩm OCOP, trong đó có 17 sản phẩm

tiềm năng 5 sao (chiếm 1,6%), 731 sản phẩm 4 sao (chiếm 69,4%), 306 sản phẩm 3 sao (chiếm 29%), với 691 sản phẩm thực phẩm (chiếm 65,6%); 30 sản phẩm đồ uống (chiếm 2,8%); 7 sản phẩm thảo dược (chiếm 0,7%); 27 sản phẩm vải, may mặc (chiếm 2,6%); 299 sản phẩm sản phẩm lưu niệm, nội thất và trang trí (chiếm 28,4%). Phát triển được 14 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP trên địa bàn Thành phố.

2.2. Về phát triển kinh tế nông thôn

Hà Nội hiện có 1.235 Hợp tác xã nông nghiệp, gồm 1.090 HTX đang hoạt động; 145 HTX ngừng hoạt động; 1.543 tổ hợp tác, trong đó có 1.049 tổ hợp tác nông nghiệp, 417 tổ hợp tác công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và 77 tổ hợp tác thuộc các lĩnh vực khác; có 1.581 trang trại, trong đó: 1.173 trang trại chăn nuôi, 218 trang trại tổng hợp, 120 trang trại thủy sản, 69 trang trại trồng trọt và 01 trang trại lâm nghiệp; 1.350 làng có nghề, trong đó: 313 làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận.

3. Về nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân

Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng từ 33,0 triệu đồng/người/năm năm 2015 lên 55 triệu đồng/người/năm năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm từ 5,43% năm 2016 xuống còn dưới 0,37% cuối năm 2020. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90,1%. Hệ thống chính trị ở cơ sở được xây dựng, củng cố vững mạnh; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nông thôn được giữ vững. Các thiết chế văn hóa, cơ sở giáo dục khu vực nông thôn tiếp tục được quan tâm đầu tư, chất lượng và hiệu quả hoạt động được nâng cao; thực hiện việc cưới, việc tang, lễ hội theo nếp sống văn minh có tiến bộ rõ rệt.

II. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, khuyết điểm

1.1. Về xây dựng nông thôn mới

Nguồn lực cho công tác xây dựng nông thôn mới vẫn chủ yếu từ nguồn ngân sách Nhà nước, việc thu hút nguồn lực xã hội chưa nhiều, người dân còn trông chờ, ỷ lại vào ngân sách Nhà nước. Hệ thống hạ tầng kinh tế - kỹ thuật nông thôn đầu tư còn thiếu đồng bộ chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất và phục vụ đời sống sinh hoạt của Nhân dân. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng, quản lý đất đai, vệ sinh môi trường, thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải khu vực nông thôn còn hạn chế; công tác tổ chức sản xuất gắn với liên kết tiêu thụ còn chuyển biến chậm.

1.2. Về cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn

Sản xuất nông nghiệp quy mô lớn còn ít, tăng trưởng nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của Thủ đô. Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp chưa nhiều, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế, dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát. Chưa có nhiều cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung gây khó khăn cho việc thực

hiện kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm. Tỷ lệ nông sản được chế biến sâu còn thấp, việc hợp tác liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế; trình độ lao động nông nghiệp còn thấp và ngày càng bị già hóa. Nhận thức về việc phát triển kinh tế tập thể, HTX, trang trại của một số cán bộ và người dân còn chưa đầy đủ; nguồn vốn hoạt động ít, thu nhập của cán bộ HTX thấp, vẫn còn 145 HTX nông nghiệp ngừng hoạt động, chờ giải thể. Việc phát triển nghề và làng nghề còn mang tính tự phát, phân tán, thiếu tính bền vững, quy mô sản xuất nhỏ lẻ dẫn đến việc đầu tư, cải tiến và áp dụng công nghệ tiên tiến còn khó khăn. Cơ chế, chính sách của Trung ương và Thành phố còn thiếu đồng bộ.

1.3. Về nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân

Thu nhập và đời sống của nông dân còn thấp, chưa tương xứng, chênh lệch giữa thành thị và nông thôn ngày càng cao, nhất là ở các xã thuần nông, xã dân tộc miền núi. Việc đào tạo nghề cho nông dân, đặc biệt là nghề phi nông nghiệp ở những nơi bị thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp còn chưa đáp ứng yêu cầu. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội khu vực nông thôn còn tiềm ẩn phức tạp, nhất là khiếu kiện liên quan đến quản lý đất đai, giải phóng mặt bằng, sai phạm trong quản lý trật tự xây dựng, đầu tư xây dựng cơ bản; tội phạm, tệ nạn xã hội có xu hướng gia tăng; việc nâng cao chất lượng môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy còn chậm chuyển biến. Việc quản lý, khai thác và tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa còn hạn chế.

2. Nguyên nhân

2.1. Về khách quan

Cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, nhiều nơi đã xuống cấp, đòi hỏi nguồn lực đầu tư lớn. Sự phát triển của các địa phương không đồng đều, trình độ dân trí, thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần của người dân khu vực nông thôn còn khó khăn và còn chênh lệch lớn so với khu vực nội thành. Một số cơ chế chính sách của Trung ương và Thành phố còn nhiều bất cập và thiếu đồng bộ. Quá trình đô thị hóa của Thành phố phát triển mạnh, diện tích đất nông nghiệp thu hẹp nhanh, manh mún, khó khăn trong công tác cơ giới hóa, hiện đại hóa và xây dựng nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung. Hệ thống các công trình thủy lợi, đê điều xuống cấp. Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, tác động của thị trường, thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp và huy động nguồn lực đầu tư, phát triển khu vực nông thôn.

2.2. Về chủ quan

Năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành ở một số địa phương, đơn vị thiếu năng động, sáng tạo. Một số cán bộ, đảng viên còn thiếu trách nhiệm, ngại va chạm, đùn đẩy, né tránh. Việc phân bổ, giao kinh phí ngân sách Thành phố hỗ trợ thực hiện Chương trình có nơi còn chậm, khó khăn cho cơ sở thực hiện. Công tác dự tính, dự báo còn yếu, chưa lường hết được diễn biến phức tạp, khó khăn, thách thức,

nên xây dựng một số nhiệm vụ, mục tiêu, giải pháp chưa phù hợp. Một số tiêu chí xây dựng nông thôn mới còn coi nhẹ, như: tiêu chí về an ninh trật tự, hình thức tổ chức sản xuất, chưa nhận thức hết những tác động của tiêu chí đối với việc phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Quán triệt, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng; cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII Đảng bộ Thành phố, Chương trình đề ra một số mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Mục tiêu

1.1. Xây dựng nông thôn mới

Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển đô thị với quan điểm, mục tiêu tổng quát là: Xây dựng nông thôn mới cần thực hiện thực chất hơn, thiết thực hơn, hiệu quả và bền vững hơn gắn liền với quá trình đô thị hóa, có điểm đầu nhưng không có điểm kết thúc, nông thôn mới phồn vinh, văn minh và hiện đại; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ, phù hợp theo tiêu chí đô thị; kinh tế nông thôn phát triển mạnh mẽ và bền vững, trình độ sản xuất tiên tiến, hiện đại và chuyên nghiệp, sản phẩm có sức cạnh tranh cao, sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa, nông dân giàu có; môi trường, cảnh quan, không gian nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; quốc phòng và an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững trên địa bàn Thủ đô.

1.2. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn liền với phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới, hướng tới phát triển nông nghiệp thông minh, công nghệ cao, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; xác định tái cơ cấu nông nghiệp là nền tảng then chốt, xây dựng nông thôn mới là căn bản, nông dân là chủ thể. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung, quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, giá trị gia tăng gắn với quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất. Quan tâm phát triển mô hình liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ theo chuỗi giá trị; thực hiện tốt việc chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả, hoa, cây cảnh, cây công trình phục vụ dịch vụ nông nghiệp, đô thị, phát triển sản xuất giống cây trồng,

vật nuôi chất lượng cao, xây dựng vùng nguyên liệu nông sản an toàn gắn với mã vùng trồng, mã vạch sản phẩm, truy xuất nguồn gốc.

Củng cố hoạt động và thành lập mới các HTX hoạt động hiệu quả. Phát triển kinh tế trang bền vững và sinh thái. Tiếp tục triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm gắn với phát triển các làng nghề, nghề truyền thống, nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ hỗ trợ công nghiệp và nông nghiệp, ưu tiên những loại hình dịch vụ mới mang lại hiệu quả cao. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, ngành nghề nông thôn gắn với du lịch nông thôn, du lịch trải nghiệm.

1.3. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân

Nâng cao chất lượng cuộc sống về vật chất và tinh thần của người dân nông thôn; khuyến khích phát triển các mô hình xử lý nước thải, chất thải làng nghề, rác thải sinh hoạt tại nguồn, ứng dụng công nghệ tái sử dụng chất thải nông nghiệp, làng nghề phục vụ nền kinh tế tuần hoàn; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, văn minh. Đảm bảo an sinh xã hội đối với các gia đình chính sách, các hộ nghèo, cận nghèo khu vực nông thôn.

Chú trọng nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động các thiết chế văn hóa, y tế, giáo dục, thể thao và các dịch vụ tốt nhất đáp ứng nhu cầu của người dân; tăng cường phát huy vai trò tự quản, sự tham gia của người dân đối với công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn.

2. Chỉ tiêu cụ thể

Phấn đấu đến hết năm 2025, Chương trình đạt được một số chỉ tiêu cụ thể sau:

2.1. Xây dựng nông thôn mới

Thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; 100% các huyện, các xã đạt chuẩn nông thôn mới; 20% số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

2.2. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn

- Tăng trưởng sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản hàng năm từ 2,5-3,0%. Tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đạt trên 70%.

- Thành phố đánh giá, phân hạng được 2.000 sản phẩm OCOP trở lên.

- Triển khai Đề án "Trung tâm thiết kế sáng tạo và giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP gắn với du lịch sinh thái của quốc gia tại Hà Nội".

- Mỗi huyện, thị xã xây dựng ít nhất 01 trung tâm thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch.

- Thành phố công nhận thêm trên 50 làng nghề, nghề truyền thống; có ít nhất 100 làng nghề, nghề truyền thống được hỗ trợ xây dựng thương hiệu và xác nhận quyền sở hữu nhãn hiệu tập thể, 100% làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận thuộc danh mục được đánh giá tác động môi trường.

- Phấn đấu có trên 80% HTX hoạt động hiệu quả.

1.3. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân

- Thu nhập của nông dân khu vực nông thôn Thủ đô đạt 80 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt trên 95%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 75-80%. Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 55-60%. Cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn của Thành phố. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ở các huyện, thị xã đạt 95% trở lên.

- Tỷ lệ thôn, làng được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn, Làng văn hóa đạt 65%. Gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa đạt từ 86-88%. Tỷ lệ trường công lập *(Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông)* đạt chuẩn quốc gia đạt từ 80-85%. Duy trì 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. 100% số thôn có nhà văn hóa - khu thể thao thôn.

- Tỷ lệ xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình có sử dụng ít nhất 01 điện thoại thông minh *(Smartphone)* đạt 95% trở lên; tỷ lệ các thôn được phủ sóng di động 3G/4G/5G hoặc internet băng rộng đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch đạt 100%.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%; tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt 100%; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%; tỷ lệ cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề *(đang hoạt động và xây dựng mới)* có trạm xử lý nước thải đạt 100%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Xây dựng nông thôn mới

1.1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân

Tăng cường và đa dạng hóa hình thức và nội dung tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội để nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động. Tiếp tục quán triệt, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở để Nhân dân chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và an ninh nông thôn được giữ vững.

1.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực bộ máy quản lý Nhà nước; đổi mới phương thức quản lý, đẩy mạnh cải cách hành chính; phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp; phát huy vai trò người đứng đầu.

Các cấp ủy Đảng chú trọng nâng cao chất lượng công tác gắn với tổng kết thực tiễn; lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và chăm lo đời sống cho Nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm hàng năm của các cấp và người đứng đầu. Các cấp chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ Thành phố đến cơ sở nâng cao vai trò, trách nhiệm, tham gia có hiệu quả việc cụ thể hóa các chỉ tiêu, mục tiêu của Chương trình và tổ chức thực hiện tốt các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; đảm bảo giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh nông thôn. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đảng bộ, Chi bộ cơ sở để thực sự là hạt nhân lãnh đạo toàn diện trên địa bàn nông thôn; củng cố và nâng cao năng lực bộ máy quản lý từ Thành phố đến cơ sở về các lĩnh vực ở khu vực nông thôn.

1.3. Rà soát, bổ sung quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới

Rà soát để bổ sung, điều chỉnh đề án xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu bảo đảm phù hợp với quy hoạch và Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển đô thị. Trọng tâm là hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; tập trung xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng nông thôn mới theo hướng tiêu chí đô thị, nhất là 05 huyện: Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì, Hoài Đức, Đan Phượng lên quận giai đoạn 2021 - 2025 và các huyện Thanh Oai, Thường Tín, Mê Linh... lên quận vào giai đoạn 2026 - 2030.

Công tác quy hoạch phải đi trước một bước, làm tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch xã, huyện nông thôn mới đảm bảo gắn kết giữa quy hoạch công nghiệp, dịch vụ và quy hoạch đô thị với nông thôn theo quy định phát luật và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương; hoàn thành kế hoạch triển khai các quy hoạch chi tiết trung tâm xã, điểm dân cư, không gian sản xuất *(cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề - phố nghề, cụm đổi mới,...)*, ban hành và thực hiện quy chế quản lý kiến trúc cho khu vực điểm dân cư nông thôn. Đặc biệt, là quy hoạch hệ thống giao thông nông thôn, các thiết chế văn hóa cơ sở và diện tích đất cây xanh công cộng theo hướng tiêu chí đô thị.

1.4. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn theo hướng phát triển đô thị

Tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế xã hội theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng tiêu chí đô thị; phát huy các công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, nâng cao năng lực tưới tiêu chủ động cho các loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản, cấp nước sinh hoạt cho dân cư và công nghiệp, dịch vụ

ở nông thôn. Phát triển hệ thống hạ tầng giao thông nông thôn bền vững theo quy hoạch gắn với mạng lưới hạ tầng giao thông của Thành phố, quốc gia theo định hướng giao thông đô thị; đảm bảo giao thông luôn thông suốt, an toàn đến địa bàn các xã, thôn; ưu tiên phát triển giao thông ở các vùng khó khăn để có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội nhanh hơn. Cứng hóa giao thông nông thôn, giao thông nội đồng bằng các vật liệu phù hợp đồng bộ với hệ thống thoát nước, hệ thống chiếu sáng đáp ứng cả nhu cầu giao thông tĩnh về đỗ xe hiện tại và trong tương lai.

Cải tạo và phát triển đồng bộ hệ thống lưới điện, bảo đảm phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt của dân cư nông thôn. Phát triển hệ thống bưu chính viễn thông tiên tiến hiện đại để nâng cao khả năng tiếp cận và hội nhập. Nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, các bệnh viện đa khoa tuyến huyện, các trung tâm y tế vùng, các cơ sở y tế chuyên sâu; hoàn thành chương trình kiên cố hóa trường học, nhà văn hóa thôn.

Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu với phương châm *"Nhà nước và Nhân dân cùng làm"*, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và biến đổi khí hậu. Tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường nông thôn.

1.5. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu

Cập nhật kịp thời những chính sách của Đảng và Nhà nước để tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành cho đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ Thành phố đến cơ sở làm công tác xây dựng nông thôn mới. Nội dung, thời gian tập huấn, bồi dưỡng của Chương trình phải phù hợp với thực tiễn và trình độ của cán bộ, kết hợp giữa lý thuyết với tham quan khảo sát thực tế các điển hình ở trong và ngoài nước.

1.6. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy Văn phòng điều phối nông thôn mới từ Thành phố đến cơ sở

Rà soát nâng cao năng lực Ban Chỉ đạo các cấp từ Thành phố đến cơ sở, đặc biệt là đổi mới, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy Văn phòng điều phối nông thôn mới Thành phố trên cơ sở điều động cán bộ từ Trung tâm bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới Hà Nội làm việc chuyên trách và cán bộ thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan làm việc kiêm nhiệm tại Văn phòng điều phối nông thôn mới Thành phố; các huyện, thị xã cân đối bố trí số lượng cán bộ chuyên trách phù hợp, đáp ứng yêu cầu làm việc tại Văn phòng điều phối nông thôn mới của huyện, thị xã; các xã bố trí cán bộ chuyên trách theo dõi về Chương trình xây dựng nông thôn mới và Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

1.7. Tập trung huy động các nguồn lực của Nhà nước và xã hội đầu tư thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025

- Tổng nguồn vốn dự kiến đầu tư cho khu vực nông thôn giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 92.680 tỷ đồng *(tăng khoảng 15% so với giai đoạn 2016-2020)*, trong đó nguồn vốn ngân sách Nhà nước đầu tư là 83.700 tỷ đồng, nguồn vốn huy động ngoài ngân sách Nhà nước *(doanh nghiệp, Nhân dân đóng góp và nguồn khác...)* là 8.980 tỷ đồng. Trong 92.680 tỷ đồng có 71.830 tỷ đồng đầu tư trực tiếp cho Chương trình, trong đó: Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước là 62.850 tỷ đồng chiếm 87,5% *(ngân sách Thành phố hỗ trợ 24.130 tỷ đồng, ngân sách huyện và xã là 38.720 tỷ đồng)*. Nguồn vốn huy động ngoài ngân sách Nhà nước *(doanh nghiệp, Nhân dân đóng góp và nguồn vốn khác...)* là 8.980 tỷ đồng chiếm 12,5%. Dư nợ tín dụng chính sách đầu tư khu vực nông nghiệp, nông thôn bổ sung bình quân hàng năm 400 tỷ đồng.

Thực hiện tốt phân cấp sử dụng và huy động nguồn thu đối với các cấp:

- *Ngân sách Thành phố:* Sử dụng nguồn thu theo phân cấp *(tiền thuế phí, tiền sử dụng đất...)* để hỗ trợ ngân sách huyện đầu tư xây dựng nông thôn mới ở các xã theo nguyên tắc: Tập trung hỗ trợ một phần vốn đầu tư hạ tầng thiết yếu, các chương trình, dự án khuyến khích phát triển nông nghiệp; ưu tiên hỗ trợ các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, xã dân tộc miền núi.

- *Ngân sách cấp Huyện:* Huy động từ nguồn thu ngân sách theo phân cấp, nguồn hỗ trợ của Thành phố, nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, các nguồn thu hợp pháp khác đầu tư cho các công trình, dự án do cấp huyện quản lý, hỗ trợ có mục tiêu cho các xã xây dựng hạ tầng nông thôn.

- *Ngân sách cấp Xã*: Huy động từ nguồn thu ngân sách theo phân cấp, nguồn hỗ trợ của ngân sách cấp trên *(nguồn bổ sung mục tiêu, tiền sử dụng đất...)*, các nguồn thu hợp pháp khác cho các công trình, dự án do cấp xã quản lý.

Các quận nội thành, các cơ quan, đơn vị quan tâm chia sẻ và hỗ trợ, ủng hộ vốn đầu tư thực hiện công trình, dự án hạ tầng kinh tế - xã hội, xử lý môi trường. Tăng cường tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ quan, đơn vị và Nhân dân ủng hộ, đóng góp *(bằng tiền, vật tư, công lao động, hiến đất xây dựng công trình...)* phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp và người dân để đầu tư phát triển sản xuất, xây dựng đường giao thông thủy lợi nội đồng; công trình hạ tầng kinh tế - xã hội *(y tế, giáo dục, văn hóa, xử lý môi trường)* để đóng góp xây dựng nông thôn mới ở các xã, nhất là các xã dân tộc miền núi.

Sắp xếp, đổi mới và nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các chủ đầu tư, các Ban quản lý dự án từ Thành phố đến cơ sở. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhằm tháo gỡ khó khăn cho huyện, xã trong quá trình thực hiên Chương trình. Tập trung vốn hoàn thành dứt điểm từng công trình, dự án, tránh đầu tư dàn trải và nợ đọng kinh phí xây dựng cơ bản. Tăng cường công tác giám sát chất lượng các công trình xây dựng của các cơ quan quản lý và cộng đồng dân cư ở cơ sở.

Rà soát điều chỉnh phân cấp quản lý các dự án đầu tư thuộc Chương trình cho UBND huyện, thị xã và xã, quy định cụ thể trách nhiệm bố trí vốn thực hiện Chương trình của các cấp ngân sách; phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác quản lý, giám sát dự án đầu tư xây dựng nông thôn mới ở cơ sở.

2. Về cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn

Nhiệm vụ trọng tâm cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn giai đoạn 2021 - 2025 là: phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến; phát triển làng nghề gắn với dịch vụ thương mại và dịch vụ du lịch. Xây dựng các chuỗi liên kết từ sản xuất đến chế biến, tiêu thị sản phẩm. Tăng cường hợp tác chặt chẽ, hiệu quả giữa 5 "nhà": nhà quản lý, nhà khoa học, nhà nông, doanh nghiệp và người tiêu dùng. Về thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước phát huy vai trò trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng; tín dụng; dịch vụ nghiên cứu, cung ứng, hướng dẫn về kỹ thuật, cung cấp giống,... Cơ cấu, tổ chức lại các hợp tác xã, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã. Tiếp tục hỗ trợ, phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế tư nhân,... huy động nguồn lực phát triển kinh tế nông thôn.

***2.1.* Về cơ cấu lại ngành nông nghiệp**

2.1.1. Cơ cấu lại các lĩnh vực sản xuất

- Trồng trọt: Giảm diện tích sản xuất lúa từ 165.593 ha xuống còn 140.000 ha; mở rộng diện tích trồng rau, đậu từ 32.907 ha lên 38.000 ha; tăng diện tích cây ăn quả từ 19.390 ha lên 25.750 ha; tăng diện tích hoa, cây cảnh đạt từ 8.500 ha đến 9.000 ha; giữ ổn định diện tích chè 2.500 ha. Chuyển đổi diện tích sản xuất lúa tại các vùng khó khăn về tưới tiêu *(vùng đồi gò, khu vực giáp danh đô thị,...)* sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao. Khai thác để tạo sinh kế và phát huy hiệu quả của đất bãi sông Hồng, sông Đà, sông Đáy, sông Đuống, sông Cà Lồ với tổng diện tích trên 28 nghìn ha để tập trung phát triển cây rau, đậu thực phẩm, cây ăn quả, cây công trình theo hướng trang trại gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm.

- Chăn nuôi: Tăng số lượng đàn bò đạt từ 150-160 nghìn con *(trong đó đàn bò cái sinh sản từ 100 nghìn con, đàn bò sữa khoảng 15 nghìn con, bò thịt đạt từ 35 - 45 nghìn con)*; tăng số lượng đàn lợn đạt từ 1,8 - 2 triệu con, trong đó lợn nái đạt 200 nghìn con *(30% lợn nái được phối Landrace gen +)*; đàn lợn thịt khoảng 1,6 - 1,8 triệu con; duy trì đàn gia cầm từ 36 - 38 triệu con (*trong đó 28 - 30 triệu con gà, 10 triệu con vịt, ngan, ngỗng và gia cầm khác)*. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi tại các vùng xã trọng điểm theo hướng bền vững, an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học. Phát triển chăn nuôi chăn nuôi trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, gia trại có quy mô lớn, hạn chế chăn nuôi nhỏ lẻ trong các hộ gia đình. Gắn chăn nuôi với bảo vệ môi trường sinh thái, ứng dụng công nghệ xử lý và tái sử

dụng chất thải chăn nuôi, chế biến. Tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động của 08 cơ sở giết mổ công nghiệp, bán công nghiệp đang hoạt động; tiếp tục hoàn thiện thủ tục, xây dựng và đưa vào hoạt động 6 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm quy mô tập trung, 11 cơ sở giết mổ tập trung quy mô nhỏ với công nghệ tiên tiến, hiện đại, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; giảm số cơ sở, điểm giết mổ nhỏ lẻ trong khu dân cư còn dưới 40% so với hiện nay. Chú trọng phát triển con giống, phấn đấu là trung tâm cung cấp con giống *(bò thịt, lợn, gia cầm)* cho các địa phương trong cả nước.

- Thủy sản: Phát triển thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường sinh thái và nguồn lợi thủy sản tự nhiên. Phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, các mô hình ao nổi, mô hình sông trong ao để thâm canh tăng năng suất, chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Thực hiện chuyển đổi các vùng đất trũng, thấp sang mô hình lúa - cá đảm bảo diện tích chăn nuôi thủy sản từ 24.000 - 25.000 ha; trong đó. diện tích nuôi tập trung khoảng 11.500 ha. Tập trung phát triển nuôi các giống: cá chép lai, cá rô phi đơn tính, trắm cỏ và các loại thủy đặc sản như: trắm đen, cá lăng, điêu hồng, tôm càng xanh,...

- Lĩnh vực lâm nghiệp: Quan tâm đến trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp bền vững; phát triển các mô hình trồng cây dược liệu, cây cung cấp nguyên liệu sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ dưới tán rừng, từng bước áp dụng hệ thống quản lý rừng bền vững tiến tới đạt chứng chỉ rừng Việt Nam và chứng nhận quản lý rừng, chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm FSC để đưa sản phẩm từ rừng vào các thị trường quốc tế. Thực hiện phát động Chương trình trồng 01 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội tăng cường trồng cây phân tán, cây xanh đô thị, đối với diện tích rừng đến tuổi khai thác cần tập trung trồng rừng ngay, nghiêm cấm chuyển đổi, sử dụng đất rừng sai mục đích. Phấn đấu nâng độ che phủ rừng đạt 6,2%, tỷ lệ cây xanh đạt 08 - 10m^2/người vào năm 2025.

2.1.2. Quản lý, sử dụng chặt chẽ đất đai để sản xuất nông nghiệp hiệu quả

- Công bố công khai quy hoạch đất nông nghiệp để các tổ chức, cá nhân yên tâm đầu tư sản xuất. Tăng cường tuyên truyền, vận động các hộ nông dân tích cực tham gia sản xuất nông nghiệp để tránh tình trạng bỏ ruộng hoang. Chính quyền địa phương là đầu mối thu gom lại và giao cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sản xuất khi nông dân bỏ ruộng.

- Xây dựng chính sách ưu đãi để thúc đẩy quá trình thuê, góp đất trong sản xuất nông nghiệp để thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất; chính sách tích tụ, tập trung đất đai đối với các hộ nông dân không có nhu cầu sản xuất, bỏ ruộng thành những khu có diện tích lớn và tạo điều kiện cho doanh nghiệp, cá nhân có nhu cầu và năng lực thuê lại để tổ chức sản xuất, trước mắt là đất 5% công ích của địa phương và đất bãi ven sông chưa sử dụng để liên kết tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Tập trung cải cách thủ tục hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho người dân. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong quản lý Nhà nước đối với đất nông nghiệp của chính quyền địa phương. Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai nhằm phục vụ công tác quản lý tài nguyên đất, đặc biệt đối với đất nông nghiệp. Xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm, chuyển đổi sai mục đích sử dụng đất sản xuất nông nghiệp sang mục đích khác.

2.1.3. Xây dựng chuỗi giá trị nông sản chủ lực

- Xây dựng các vùng sản xuất tập trung, sản phẩm chủ lực của địa phương để thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở liên kết với HTX, tổ hợp tác, hộ nông dân hình thành những chuỗi giá trị.

- Ưu tiên bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong sản xuất nông nghiệp để mỗi người dân trở thành chuyên gia.

- Đẩy mạnh thực hiện Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND Thành phố về việc ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp thành phố; các ngành hàng, sản phẩm nông nghiệp quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm của thành phố Hà Nội. Trọng tâm là: (1) sản phẩm giống cây trồng *(giống lúa, giống cây ăn quả)*; (2) Giống vật nuôi *(Bò sữa; Bò cái sinh sản lai Zebu; Bò thịt (BBB, Wagyu, Charolais,..))*; Lợn *(Lợn ngoại Landrace, Duroc...)*; Gà, vịt *(giống bản địa đặc sản Gà mía, gà mía lai,..)*; (3) Giống thủy sản năng suất, chất lượng cao *(cá chép lai, cá rô phi đơn tính, cá thủy đặc sản)*; (4) Sản phẩm chăn nuôi - thủy sản *(thịt lợn, bò, gà, vịt an toàn; trứng, sữa an toàn; thủy sản an toàn)*; (5) Sản phẩm trồng trọt *(rau an toàn, rau hữu cơ; quả đặc sản (cam Canh, bưởi, chuối, nhãn chín muộn))*; gạo chất lượng cao; Hoa, cây cảnh *(Hoa hồng, Lily, Lan, Đào)*; (6) Các sản phẩm sơ chế, chế biến *(các sản phẩm được sản xuất từ nguồn nguyên liệu nông, lâm và thủy sản được sản xuất trên địa bàn Thành phố có khả năng làm tăng giá trị nông sản lên 1,5 lần so với ban đầu)*.

2.1.4. Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, chế biến, kinh doanh nông nghiệp

- Khuyến khích các thành phần kinh tế *(các viện, trường, trung tâm nghiên cứu, doanh nghiệp)* tham gia nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi và công nghệ tiên tiến phục vụ sản xuất và chế biến hiệu quả. Xây dựng trung tâm nông nghiệp công nghệ cao để ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới trong nước và quốc tế. Thực hiện chính sách khuyến khích ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và chế biến sâu. Đẩy mạnh phát triển cơ giới hóa, cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp.

- Hướng dẫn ứng dụng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật: sản xuất chất lượng cao, chế biến sâu; sản xuất theo quy hoạch và nhu cầu của thị trường nhằm nâng cao giá trị, chất lượng nông sản phục vụ bền vững thị trường trong nước và quốc tế.

- Phát triển mô hình nghiên cứu, lai tạo giống mới về các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, vườn ươm công nghệ cao.

2.1.5. Đột phá cải thiện về môi trường kinh doanh nhằm thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp

Rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là lĩnh vực chế biến sâu. Đơn giản các thủ tục đăng ký cấp giấy phép kinh doanh; cải cách thủ tục hành chính và các dịch vụ công; tăng cường chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp về tín dụng, mặt bằng kinh doanh, thuế, xúc tiến thương mại, đào tạo...; quy hoạch lại các khu công nghiệp khép kín với các ngành nghề tương tác hỗ trợ nhau để giảm chi phí Logistics.

2.1.6. Tăng cường công tác đào tạo nghề làm nông nghiệp cho lao động nông thôn, tiếp tục chính sách ưu đãi trong đào tạo, chuyển đổi nghề

- Bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ của các chủ thể trong phát triển nông nghiệp, nhất là phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Đưa các nội dung về *"sản xuất xanh, sạch, bền vững"* vào các chương trình đào tạo cho người nông dân; chú trọng, gắn kết giữa lý thuyết với thực tiễn của các chương trình tại địa phương. Nâng cao nhận thức của người dân về vai trò của bảo hiểm nông nghiệp. Đẩy mạnh hợp tác với các viện, trung tâm nghiên cứu, trường đại học, cơ sở đào tạo *(trong và ngoài nước)* để đào tạo đội ngũ chuyên viên, chuyên gia có trình độ quản lý, kỹ thuật chuyên nghiệp nhằm chuyển giao tri thức và hướng dẫn công nghệ cho lực lượng trực tiếp sản xuất.

- Tăng cường công tác đào tạo nghề làm nông nghiệp cho lao động nông thôn; có chính sách ưu đãi trong đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp cho nông dân với lộ trình phù hợp với chuyển dịch cơ cấu lao động khu vực nông thôn theo hướng phát triển đô thị.

2.1.7. Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025; phát triển, nâng cấp, đánh giá phân hạng trung bình mỗi năm từ 400 sản phẩm OCOP trở lên; xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý sản phẩm OCOP; tổ chức thường niên các sự kiện xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm trong nước và quốc tế; phát triển các điểm bán hàng OCOP, hàng năm mỗi huyện, thị xã phát triển 02 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP. Hỗ trợ phát triển Trung tâm bảo tồn nghề gốm tại xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm nhằm xây dựng thành trung tâm bảo tồn, phát triển sản phẩm gốm quốc gia của Việt Nam.

- Giám sát chất lượng các sản phẩm OCOP định kỳ hằng năm thông qua việc

kiểm tra lấy mẫu xét nghiệm chất lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP thông qua việc áp dụng và chứng nhận chất lượng theo các tiêu chuẩn chất lượng tiên tiến như VietGAP, HACCP, ISO, nông nghiệp hữu cơ Việt Nam và quốc tế.

- Tiếp tục làm tốt công tác thông tin tuyền truyền, bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn từ chủ thể sản xuất, kinh doanh đến người tiêu dùng về Chương trình OCOP để kích thích liên kết, tiêu thụ, thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo điều kiện và động lực cho chủ thể mạnh dạn đầu tư, phát huy sức mạnh của cộng đồng và phát triển các sản phẩm có lợi thế, thế mạnh của địa phương. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục tuyên truyền vận động các chủ thể tích cực tham gia Chương trình OCOP.

2.2. Về phát triển kinh tế nông thôn

2.2.1. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn, đổi mới, phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 9/3/2020 của Bộ chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể với nòng cốt là "hợp tác xã", hỗ trợ phát triển kinh tế hộ, liên kết hộ trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; giải thể, chuyển đổi các HTX ngừng hoạt động; giảm tỷ lệ các HTX hoạt động trung bình, yếu. Khuyến khích thành lập mới tổ hợp tác, HTX chuyên ngành, doanh nghiệp trong HTX. Tăng cường công tác kiểm tra thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012. Rà soát xóa nợ cho HTX ngừng hoạt động để giải thể hoặc chuyển đổi theo Luật HTX. Hỗ trợ các HTX có quỹ đất để xây dựng trụ sở làm việc, khu sơ chế, chế biến sản phẩm sau thu hoạch; xây dựng cơ sở dữ liệu về kinh tế tập thể, hợp tác xã. Xây dựng mô hình điển hình về kinh tế hợp tác, HTX để tổng kết nhân ra diện rộng.

- Mỗi năm thành lập mới từ 70 HTX trở lên, hỗ trợ ít nhất từ 50 HTX trở lên thực hiện Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025. Hỗ trợ hộ nông dân thông qua HTX theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông. Phấn đấu kinh tế tập thể, hợp tác xã đóng góp tỷ trọng ngày càng cao trong nền kinh tế của Thành phố.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế tập thể từ Thành phố đến cơ sở, cán bộ quản lý của các HTX trên địa bàn Thành phố. Thành lập Ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 từ Thành phố đến các huyện để thống nhất, tập trung chỉ đạo một cách đồng bộ.

- Hàng năm tổ chức diễn đàn về kinh tế hợp tác, hợp tác xã, triển lãm, trưng bày, giới thiệu thành tựu về kinh tế hợp tác và sản phẩm OCOP để nhân rộng các mô hình hay trong và ngoài nước, tăng cường hợp tác, kết nối thị trường, chia sẻ kinh nghiệm của các chuyên gia trong nước và quốc tế, các HTX... góp phần thúc đẩy phát triển HTX trên tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

- Triển khai chính sách thí điểm đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học, trên đại học về làm việc tại các HTX, cần tiến hành đồng bộ từ khâu tuyển chọn, sử dụng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt trong HTX, có chế độ ưu đãi phù hợp.

2.1.2. Đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện dồn đổi, tập trung đất đai, tạo các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đáp ứng nhu cầu phát triển trang trại.

- Đẩy mạnh việc thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tháo gỡ khó khăn về thời gian thuê đất, ưu đãi nguồn vốn vay để các chủ trang trại yên tâm đầu tư sản xuất; định hướng phát triển kinh tế trang trại theo hướng xanh, bền vững môi trường gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất, liên kết và xúc tiến thương mại đối với các chủ trang trại.

- Thực hiện công tác khuyến nông, khuyến lâm, xây dựng một số mô hình kinh tế trang trại điểm về ứng dụng công nghệ cao, công nghệ xanh, sản xuất theo chuỗi gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm để tổng kết, chỉ đạo nhân rộng.

2.1.3. Đẩy mạnh phát triển ngành nghề và kinh tế nông thôn

- Thực hiện quy hoạch phát triển làng nghề, ngành nghề, các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ nông thôn đáp ứng được nhu cầu trong sản xuất, kinh doanh và xúc tiến thương mại, làng nghề có thế mạnh phát triển kết hợp với du lịch nông thôn; đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn. Phấn đấu đến năm 2025,

- Tiếp tục cải tạo, nâng cấp, tập trung đầu tư, hoàn thiện hạ tầng đối với 70 cụm công nghiệp đang hoạt động; đẩy nhanh tiến độ khởi công và xây dựng hạ tầng kỹ thuật đối 43 cụm công nghiệp mới được thành lập giai đoạn 2018 - 2020 để thu hút đầu tư đưa vào hoạt động; tiếp tục kêu gọi, thu hút đầu tư thành lập 46 cụm công nghiệp còn lại theo quy hoạch, phấn đấu đến năm 2025, Thành phố có 159 cụm công nghiệp đưa vào hoạt động.

- Lấp đầy và hoàn thành hạ tầng kỹ thuật đối với 09 khu công nghiệp, thành lập 2 - 5 khu công nghiệp mới theo quy hoạch, phấn đấu đến hết năm 2025, Thành phố có 11 khu công nghiệp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, đi vào hoạt động ổn định.

- Đầu tư xây dựng mới 5 chợ đầu mối ở các huyện: Gia Lâm, Mê Linh, Ba Vì, Phú Xuyên, Quốc Oai, cải tạo nâng cấp 2 chợ đầu mối hiện có ở quận Hoàng Mai

và quận Bắc Từ Liêm; xây dựng mới 63 chợ dân sinh nông thôn, cải tạo 97 chợ dân sinh nông thôn hiện có đạt chuẩn theo quy định nhằm phát triển và quản lý đồng bộ hệ thống chợ đầu mối và chợ nông thôn trên địa bàn Thành phố, đảm bảo hài hòa giữa chợ và các loại hình thương mại khác; khuyến khích xã hội hóa hoạt động đầu tư phát triển hệ thống chợ.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi về vốn, tín dụng cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, trong đó ưu tiên các dự án công nghệ cao trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ, các dự án sử dụng nhiều lao động để tạo nhiều việc làm mới cho lao động nông thôn; khuyến khích và tạo điều kiện phát triển dịch vụ nông thôn nhằm cung cấp các dịch vụ thiết yếu, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nâng mức thu nhập cho người dân.

- Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ trong hoạt động sản xuất của làng nghề, ngành nghề nông thôn, ưu tiên các lĩnh vực bảo quản, chế biến nông, lâm sản, hàng thủ công mỹ nghệ; chú trọng xử lý chất thải, giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các làng nghề.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý Nhà nước về ngành nghề nông thôn, xây dựng chính sách phù hợp để thu hút các nghệ nhân tham gia các hoạt động đào tạo, truyền nghề, bảo tồn làng nghề, nghề truyền thống.

- Đẩy mạnh các chương trình bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của các làng nghề, đặc biệt là nghề truyền thống trong phát triển sản phẩm OCOP gắn với thúc đẩy hoạt động du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn.

- Phát triển dịch vụ ở nông thôn để cung cấp thông tin, giống, vật tư, hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích và tạo điều kiện để thành lập các công ty, các hợp tác xã, tổ hợp tác trong lĩnh vực này.

3. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân

3.1. Nâng cao chất lượng văn hóa, y tế, giáo dục, môi trường và an sinh xã hội, xây dựng miền quê đáng sống

Tập trung nguồn lực và tăng cường chỉ đạo thực hiện đồng bộ chiến lược về tăng trưởng và xoá đói, giảm nghèo nhất là các xã dân tộc miền núi. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh; thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, dân số. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo. Hưởng ứng Phong trào thi đua *"Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới"* do Thủ tướng Chính phủ phát động; nâng cao chất lượng phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá"*, xây dựng các quy ước, hương ước, phát huy truyền thống tốt đẹp, tương thân tương ái, tình làng nghĩa xóm, bài trừ các hủ tục, thực hiện nếp sống văn hóa ở nông thôn, chung tay xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn cùng với đời sống vật chất tinh thần phong phú, đa dạng để các xã trở thành một

miền quê đáng sống. Tổ chức thí điểm xây dựng mô hình nông thôn mới kiểu mẫu toàn diện *"kiểu mẫu Thủ đô"*, mô hình xã nông thôn mới thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị nông thôn làm cơ sở nhân rộng. Quán triệt thực hiện tốt phương châm" dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát, dân thụ hưởng".

Đẩy nhanh phát triển điều kiện sinh hoạt nông thôn *(điện, đường, trường, trạm, y tế, giáo dục, dịch vụ,...)* theo hướng đô thị; giữ vững và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng *"nông thôn mới, đô thị văn minh"* với các mô hình cụ thể, việc làm cụ thể. Thực hiện các chính sách bảo hiểm y tế đối với người nghèo, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi. Thực hiện bảo hiểm nông nghiệp, rà soát, giảm thiểu các khoản đóng góp có tính chất bắt buộc đối với nông dân. Tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện và thực hiện đầy đủ quy chế dân chủ cơ sở.

Tăng cường công tác nắm bắt tình hình, phát hiện, giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp về an ninh nảy sinh trên các lĩnh vực gắn với phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn nông thôn, không để hình thành các "điểm nóng" về an ninh nông thôn, an ninh dân tộc và tôn giáo; nghiên cứu, xây dựng các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm, làm giảm tội phạm hình sự tại địa bàn nông thôn. Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc ở địa bàn nông thôn; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã gắn với phát huy vai trò của Công an xã bán chuyên trách.

3.2. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế, chính sách để huy động cao các nguồn lực, phát triển nhanh kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân

Rà soát, điều chỉnh cơ cấu đầu tư ngân sách, tăng đầu tư phát triển cho khu vực nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường phân cấp thu chi ngân sách cấp huyện và xã. Có cơ chế, chính sách đủ mạnh khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, kể cả huy động vốn ODA và FDI. Phát triển các hình thức đầu tư đối tác công tư; lồng ghép các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên cùng một địa bàn.

Tăng nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhất là đầu tư từ ngân sách Nhà nước và trái phiếu Chính phủ; huy động nguồn lực ngoài ngân sách cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh phát triển quỹ tín dụng nhân dân khu vực nông thôn,...

Triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách mới của Trung ương, Thành phố về phát triển nông nghiệp, nông thôn; chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục ưu tiên dành vốn tín dụng cho khu vực nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là Ngân hàng chính sách xã hội, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ tổ chức triển khai, tuyên truyền, hướng dẫn trình tự, thủ tục vay vốn đến các hộ trên địa bàn nông thôn.

3.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn

Thực hiện có hiệu quả chương trình dạy nghề cho lao động nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và của xã hội; phù hợp với tiến trình và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Có kế hoạch cụ thể về đào tạo nghề và chính sách đảm bảo việc làm cho nông dân, nhất là ở các vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo cho lao động nông thôn, kết hợp hiệu quả giữa lý thuyết và trao đổi thực tế.

Chú trọng dạy nghề cho thanh niên nông thôn, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, lao động nữ, các đối tượng chính sách và tạo công ăn việc làm sau đào tạo.

3.4. Khuyến khích nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, tạo đột phá để hiện đại hoá nông nghiệp, công nghiệp hoá nông thôn

Tăng đầu tư ngân sách cho nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ để nông nghiệp sớm đạt trình độ tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực; tạo đột phá về năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất. Xây dựng các chính sách đãi ngộ thỏa đáng để khai thác, phát huy và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ; thu hút thanh niên, trí thức trẻ về nông thôn, nhất là các ngành nông nghiệp, y tế, giáo dục, văn hoá.

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nông thôn Thủ đô toàn diện; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong triển khai dịch vụ cho người dân, ứng dụng công nghệ thông tin để người dân khu vực nông thôn gắn với tiến trình chuyển đổi số, kinh tế số nhằm hội nhập, kết nối sâu rộng với thế giới.

Xây dựng thí điểm một số mô hình về ứng dụng khoa học, công nghệ mới tiên tiến trong xây dựng nông thôn mới, cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, mô hình xử lý môi trường nông thôn, nhất là mô hình tái sử dụng chất thải để sản xuất phân hữu cơ phục vụ nền kinh tế tuần hoàn, mô hình sử dụng năng lượng mặt trời trong chiếu sáng đường giao thông nông thôn để rút kinh nghiệm nhân ra diện rộng.

3.5. Giải pháp hỗ trợ, khuyến khích nông dân tham gia bảo hiểm xã hội

Các cấp, các ngành tăng cường công tác tuyên truyền, thông tin về bảo hiểm xã hội tự nguyện, khuyến khích nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện để được hưởng lương hưu theo quy định, được trợ cấp một lần và tử tuất, được cơ quan bảo hiểm xã hội cấp thẻ bảo hiểm y tế khi nghỉ hưu và hưởng quyền lợi khám, chữa bệnh như những người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Đặc biệt, loại hình bảo hiểm này có nhiều ưu việt trong việc giảm bớt khó khăn, rủi ro khi về già, giúp bảo đảm thu nhập, ổn định cuộc sống cho người nông dân khi hết tuổi lao động.

Phần thứ ba
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Thành ủy

Chỉ đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình; tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Chương trình đến các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên.

Hàng năm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai, tổ chức thực hiện Chương trình ở các tổ chức Đảng trực thuộc, các cơ quan, đơn vị của Thành phố; chỉ đạo tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hằng năm và tổng kết Chương trình vào năm 2025.

2. Ban Chỉ đạo Chương trình

Xây dựng kế hoạch, đề án, chuyên đề cụ thể để tổ chức thực hiện nội dung Chương trình. Hằng năm tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy; tham mưu công tác sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình.

3. Đảng đoàn HĐND Thành phố

Chỉ đạo cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình thông qua Nghị quyết của HĐND Thành phố; bố trí kinh phí để thực hiện các kế hoạch, đề án, chuyên đề công tác cụ thể hóa nội dung Chương trình. Xây dựng kế hoạch, tăng cường giám sát hoạt động của các cấp chính quyền và các cơ quan, đơn vị của Thành phố trong việc triển khai thực hiện Chương trình.

4. Ban Cán sự đảng UBND Thành phố

Chỉ đạo ban hành kế hoạch thực hiện; cụ thể hóa các nội dung Chương trình bằng các kế hoạch, đề án, chuyên đề, dự án để thực hiện Chương trình có hiệu quả thiết thực. Chỉ đạo các sở, ngành tham mưu ban hành tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao theo hướng tiêu chí đô thị, kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Tăng cường đôn đốc, hướng dẫn các cấp, các ngành kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện nội dung Chương trình, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy kết quả tổ chức thực hiện Chương trình.

5. Các ban Đảng và Văn phòng Thành ủy

Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình. Nghiên cứu, tham mưu xây dựng các đề án, chuyên đề, quy chế, quy định, kế hoạch công tác để cụ thể hóa hóa mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tham mưu giúp Thành ủy theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cấp ủy trực thuộc, các sở, ban, ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố tổ chức thực hiện Chương trình; tổng hợp, nắm tình hình, tham mưu với Thành ủy chỉ đạo,

hướng dẫn, đánh giá sơ kết, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện Chương trình hằng năm và tổng kết Chương trình vào cuối nhiệm kỳ Đại hội XVII.

6. Đảng đoàn MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Ban Thường vụ Thành Đoàn

Xây dựng kế hoạch và các đề tài, đề án, chuyên đề cụ thể để thực hiện Chương trình đạt hiệu quả cao; tổ chức tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Chương trình. Tổng hợp, nắm tình hình thực tiễn để tham mưu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung, nhiệm vụ trong quá trình thực hiện. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Chương trình với Ban Thường vụ Thành ủy.

7. Các cấp ủy đảng trực thuộc Thành ủy; các sở, ban, ngành Thành phố

Xây dựng các đề tài, đề án, chuyên đề, kế hoạch công tác để cụ thể hóa nội dung Chương trình, triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình. Định kỳ hằng năm, tiến hành đánh giá sơ kết, rút kinh nghiệm công tác chỉ đạo thực hiện Chương trình. Định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Thành ủy.

II. LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Năm 2021: Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung Chương trình đến các cấp ủy trực thuộc và các cơ quan đơn vị trong toàn Thành phố. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện trong cả nhiệm kỳ. Triển khai nghiên cứu, xây dựng các đề tài, đề án, chuyên đề, chương trình công tác để cụ thể hóa việc tổ chức thực hiện Chương trình.

Từ năm 2021 đến năm 2024: Tập trung tổ chức thực hiện các đề án, chuyên đề, kế hoạch công tác. Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hằng năm; sơ kết giữa nhiệm kỳ.

Năm 2025: Tổ chức kiểm tra, đánh giá tổng kết kết quả thực hiện Chương trình trước khi tổ chức Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII./.

T/M THÀNH ỦY
BÍ THƯ

Vương Đình Huệ

Nơi nhận:
- Bộ Chính trị, Ban Bí thư *(để báo cáo)*,
- Ban Thường vụ Thành ủy,
- Đảng đoàn HĐND Thành phố,
- Ban cán sự đảng UBND Thành phố,
- Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Thành phố,
- Các ban đảng, Văn phòng Thành ủy,
- Các cấp ủy đảng trực thuộc Thành ủy,
- Các sở, ban, ngành Thành phố,
- Các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Ban Thường vụ Thành đoàn,
- Các đồng chí Thành ủy viên,
- Các đ/c Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy,
- Lưu VPTU.

BIỂU 1. MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 04 CỦA THÀNH ỦY GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thành ủy Hà Nội)

TT	Nội dung	Chỉ tiêu
1	Thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới	Đạt
2	Huyện đạt chuẩn nông thôn mới	100%
3	Xã đạt chuẩn nông thôn mới	100%
4	Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	20%
5	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	40%
6	Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	20%
7	Tăng trưởng sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản hàng năm	2,5-3,0%
8	Diện tích sản xuất lúa	140.000 ha
9	Diện tích trồng rau, đậu	38.000 ha
10	Diện tích cây ăn quả	25.750 ha
11	Diện tích hoa, cây cảnh	8.500 - 9.000 ha
12	Đàn bò	150-160 nghìn con
13	Đàn lợn	1,8 - 2 triệu con
14	Đàn gia cầm	36-38 triệu con
15	Diện tích nuôi trồng thủy sản	24.000 - 25.000 ha
16	Độ che phủ rừng	6,2%
17	Tỷ lệ cây xanh	8-10m^2/người

TT	Nội dung	Chỉ tiêu
18	Tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	> 70%
19	Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	2.000 sản phẩm
20	HTX hoạt động hiệu quả	≥ 80%
21	Thu nhập của nông dân khu vực nông thôn	80 triệu đồng/người/năm
22	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	≥ 95%
23	Cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn của Thành phố	Đạt
24	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ở các huyện, thị xã	≥ 95%
25	Tỷ lệ thôn, làng được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn, Làng văn hóa	65%
26	Gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa	86-88%
27	Tỷ lệ trường công lập (Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông) đạt chuẩn quốc gia	80-85%
28	Duy trì xã đạt Tiêu chí quốc gia về Y tế	100%
29	Số thôn có nhà văn hóa - khu thể thao thôn	100%
30	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	75-80%
31	Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ	55-60%
32	Tỷ lệ xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ.	100%
33	Tỷ lệ hộ gia đình có sử dụng ít nhất 01 điện thoại thông minh (Smartphone).	≥ 95%
34	Tỷ lệ các thôn được phủ sóng di động mạng 3G/4G/5G hoặc Internet băng rộng.	100%

TT	Nội dung	Chỉ tiêu
35	Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch	100%
36	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn	100%
37	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý	100%
38	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường	100%
39	Tỷ lệ cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề (đang hoạt động và xây dựng mới) có trạm xử lý nước thải	100%
40	Thành phố công nhận trên 50 làng nghề, nghề truyền thống; có ít nhất 100 làng nghề, nghề truyền thống được hỗ trợ xây dựng thương hiệu và xác nhận quyền sở hữu nhãn hiệu tập thể, 100% làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận thuộc danh mục được đánh giá tác động môi trường.	Đạt
41	Mỗi huyện, thị xã xây dựng ít nhất 01 trung tâm thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch	Đạt
42	Triển khai Đề án "Trung tâm thiết kế sáng tạo và giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP gắn với du lịch sinh thái của quốc gia tại Hà Nội".	Đạt

BIỂU 2. MỤC TIÊU XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thành ủy Hà Nội)

TT	Huyện	Tổng số xã	CHỈ TIÊU CHƯƠNG TRÌNH							CHỈ TIÊU PHẤN ĐẤU				
			Xã đạt chuẩn NTM năm 2021	Nông thôn mới nâng cao		Nông thôn mới kiểu mẫu		Huyện đạt chuẩn		Nông thôn mới nâng cao		Nông thôn mới kiểu mẫu		Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao
				Số xã	Tỷ lệ (%)	Số xã	Tỷ lệ (%)	Nông thôn mới	Nông thôn mới nâng cao	Số xã	Tỷ lệ (%)	Số xã	Tỷ lệ (%)	
1	Ba Vì	30	9	5	16.7	2	6.7	x		10	33.3	5	16.7	
2	Hoài Đức	19		8	42.1	5	26.3			19	100.0	10	52.6	x
3	TX Sơn Tây	6		4	66.7	2	33.3			6	100.0	3	50.0	
4	Phúc Thọ	20		8	40.0	4	20.0			15	75.0	8	40.0	x
5	Mê Linh	16		8	50.0	4	25.0	x		12	75.0	8	50.0	
6	Gia Lâm	20		12	60.0	5	25.0		x	20	100.0	10	50.0	x
7	Thạch Thất	21		10	47.6	5	23.8			15	71.4	10	47.6	
8	Chương Mỹ	30		8	26.7	4	13.3	x		15	50.0	8	26.7	
9	Thanh Oai	20		10	50.0	4	20.0			20	100.0	8	40.0	x
10	Ứng Hòa	28		6	21.4	4	14.3	x		15	53.6	8	28.6	
11	Mỹ Đức	21	5	6	28.6	3	14.3	x		10	47.6	5	23.8	
12	Quốc Oai	20		8	40.0	5	25.0			20	100.0	10	50.0	x
13	Thanh Trì	15		10	66.7	5	33.3		x	15	100.0	10	66.7	x
14	Phú Xuyên	25		10	40.0	5	20.0			18	72.0	10	40.0	

TT	Huyện	Tổng số xã	CHỈ TIÊU CHƯƠNG TRÌNH							CHỈ TIÊU PHẤN ĐẤU				
			Xã đạt chuẩn NTM năm 2021	Nông thôn mới nâng cao		Nông thôn mới kiểu mẫu		Huyện đạt chuẩn		Nông thôn mới nâng cao		Nông thôn mới kiểu mẫu		Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao
				Số xã	Tỷ lệ (%)	Số xã	Tỷ lệ (%)	Nông thôn mới	Nông thôn mới nâng cao	Số xã	Tỷ lệ (%)	Số xã	Tỷ lệ (%)	
15	**Thường Tín**	28		10	35.7	6	21.4			23	82.1	12	42.9	
16	**Đan Phượng**	15		15	100.0	7	46.7		x	15	100.0	15	100.0	x
17	**Sóc Sơn**	25		6	24.0	4	16.0			20	80.0	10	40.0	
18	**Đông Anh**	23		12	52.2	6	26.1		x	23	100.0	12	52.2	x
Tổng số		**382**	**14**	**156**	**40.8**	**80**	**20.9**	**5**	**4**	**291**	**76.2**	**162**	**42.4**	**8**

BIỂU 3. MỘT SỐ ĐỀ ÁN, KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 04-CTr/TU CỦA THÀNH ỦY HÀ NỘI

(Kèm theo Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thành ủy Hà Nội)

TT	Tên Đề án/Kế hoạch	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
1	Kế hoạch củng cố, kiện toàn Hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh HTX Thành phố và các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021
2	Kế hoạch phát triển kinh tế trang trại bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2022
3	Kế hoạch phát triển nông nghiệp theo chuỗi trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021
4	Kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Công thương, các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021
5	Đề án Quy hoạch phát triển làng nghề Hà Nội giai đoạn 2021-2030, định hướng đến 2040	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Công thương, các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021
6	Kế hoạch phát triển cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021

TT	Tên Đề án/Kế hoạch	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
7	Kế hoạch Phát triển kinh tế du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	Sở Du lịch	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021
8	Kế hoạch thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan; UBND các quận, huyện, thị xã	2021
9	Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021
10	Kế hoạch quản lý, đầu tư, cải tạo phát triển hệ thống chợ trên địa thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Công thương	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021
11	Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Ban Dân tộc	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021
12	Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án của Chính phủ về nâng cao chất lượng hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh trật tự trong xây dựng nông thôn mới	Công an Thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021
13	Đề án nâng cao vai trò của Hội nông dân các cấp trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Hội Nông dân Thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021
14	Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã giai đoạn 2021-2025	Liên minh HTX Thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021

TT	Tên Đề án/Kế hoạch	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
15	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo đến năm 2025	Sở Lao động Thương binh và Xã Hội	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021
16	Kế hoạch thực hiện chương trình chiến lược Quốc gia bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030	Sở Lao động Thương binh và Xã Hội	Các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021
17	Đề án đẩy mạnh vai trò của Hội phụ nữ các cấp trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh giai đoạn 2021-2025	Hội Phụ Nữ	Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021
18	Kế hoạch Tuổi trẻ Thủ đô chung tay tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; đảm bảo trật tự an toàn giao thông; bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn Thành phố, giai đoạn 2021-2025	Thành đoàn Hà Nội	Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021
19	Kế hoạch thúc đẩy tái sử dụng, tái chế biến chất thải hữu cơ, phế phụ phẩm nông nghiệp thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường gắn kết chuỗi giá trị nông sản hữu cơ trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường; các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021
20	Kế hoạch phát triển hạ tầng Bưu chính - Viễn thông phục vụ Chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021
21	Kế hoạch ứng dụng công nghệ nông nghiệp 4.0 cho sản phẩm nông nghiệp có nguồn gốc thực vật trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thị xã	2021